

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ QUYÊN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 29/2021/HNG-ST  
Ngày 22-7-2021  
Về/vấn đề hôn nhân, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ QUYÊN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử thẩm phán có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Bình

Ông Võ Văn Khang

***- Thẩm ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh - Thẩm ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Quyên, thành phố Hồ Chí Minh.

***- Hội thẩm nhân dân kiêm sát nhân dân quận Ngũ Quyên, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Quyên, thành phố Hồ Chí Minh xét xử thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLST-HNG ngày 23 tháng 4 năm 2021 về/vấn đề hôn nhân, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định của vụ án ra xét xử số 15/2021/Q-XXST-HNG ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/Q-ST-HNG ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị P; nơi cư trú: Ngõ C, phường T, quận L, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Văn T; nơi cư trú: Ngõ L, phường L, quận N, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại phiên khai mạc, bản tố cáo, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, các sự kiện xảy ra hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong

t c t p quán, có ng ký k t hôn t i y ban nhân dân ph ng L c Viên, qu n Ngô Quy n vào ngày 16/8/2012.

Sau khi k t hôn v ch ng v sinh s ng t i s 1/16 ng Lê Lai, ph ng Máy Chai, qu n Ngô Quy n, thành ph H i Phòng. Quá trình chung s ng v ch ng hòa thu n n n m 2018 thì phát sinh mâu thu n. Nguyên nhân là do v ch ng không h p nhau v tính cách, b t ng quan i m s ng. M t khác, do anh T ch i b i, không quan tâm n gia ình, d n n v ch ng th ng x y ra b t hòa. Gia ình hai bên ã hòa gi i mâu thu n v ch ng nh ng không t k t qu . Do mâu thu n v ch ng tr m tr ng nên tháng 11/2020, ch P ã v nhà m cho n nay, không ai quan tâm n ai, cu c s ng và kinh t riêng bi t. Nay xác nh tình c m v ch ng không còn, i s ng chung v ch ng không th ti p t c, ngh Tòa án gi i quy t cho ch c ly hôn anh T.

- V con chung: Ch ng Th P và anh Ph m V n T có m t con chung là Ph m Tr n P, sinh ngày 16/11/2013. Ch P ngh Tòa án giao con cho ch tr c ti p nuôi d ng. Ch trình bày hi n nay ch ang làm vi c t i Công ty TNHH Paloma Vi t Nam, có n i và thu nh p n nh. V phía anh T là lao ng t do, không có công vi c n nh. Ngh a v c p d ng nuôi con ch t th a thu n v i anh T, không yêu c u Tòa án gi i quy t.

- V tài s n chung: Ch xác nh n v ch ng không có tài s n chung nên không yêu c u Tòa án gi i quy t.

\* T i biên b n l y l i khai ngày 04/6/2021, b n anh Ph m V n T trình bày:

- V quan h hôn nhân: Anh Ph m V n T và ch ng Th P k t hôn trên c s t nguy n, c s ng ý c a hai bên gia ình, có t ch c l c i theo phong t c t p quán Vi t Nam. Anh ch có ng ký k t hôn t i y ban nhân dân ph ng L c Viên, qu n Ngô Quy n vào ngày 16/8/2012.

Sau khi k t hôn v ch ng v s ng h nh phúc t i s 1/16 ng Lê Lai, ph ng Máy Chai, qu n Ngô Quy n, thành ph H i Phòng. Kho ng cu i n m 2020, ch P ã b v nhà m . Anh không bi t nguyên nhân t i sao ch P b v nhà m . Trong th i gian ly thân nhau, anh không ón và c ng không nói chuyên v i ch P. Nay ch P có n xin ly hôn, vì th ng con nên anh không ng ý ly hôn v i ch P.

- V con chung: Anh Ph m V n T và ch ng Th P có m t con chung là Ph m Tr n P, sinh ngày 16/11/2013. N u ly hôn, anh T ngh Tòa án giao con cho anh tr c ti p nuôi d ng. Ngh a v c p d ng nuôi con anh ch t th a thu n, không yêu c u Tòa án gi i quy t.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Văn Tiến và chồng Trần Thị Phương không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình ghi i quy t v án, b n anh Ph m V n T ã c Tòa án t ng t h p l các v n b n t t ng nh ng anh T u v ng m t t i các phiên hòa gi i, không có lý do nên Tòa án không ti n hành hòa gi i c . T i phiên tòa, b n anh Ph m V n T v ng m t l n th hai, không có lý do, m c dù ã c Tòa án tri u t p h p l .

T i phiên tòa, Ki m sát viên phát bi u quan i m:

- Vì c tuân theo pháp luật t t ng t khi th lý v án n tr c th i i m H i ng xét x ngh án: Th m phán, H i ng xét x , Th ký ã ch p hành úng các quy nh c a B lu t T t ng dân s . Nguyên n ã th c hi n úng quy n và ngh a v theo quy nh t i các i u 70, 71 c a B lu t T t ng dân s . B n không th c hi n úng quy n và ngh a v theo i u 70 và 72 c a B lu t T t ng dân s .

- Về việc ghi i quy t v án: C n c kho n 1 i u 28, i m a kho n 1 i u 35, i m a kho n 1 i u 39, kho n 4 i u 147, i u 271, i m b kho n 2 i u 227, kho n 3 i u 228, i u 273 c a B lu t T t ng dân s ; c n c kho n 1 i u 51, kho n 1 i u 56, các i u 58, 81, 82, 83 c a Lu t Hôn nhân và gia ình; c n c i m a kho n 5 i u 27 Ngh quy t s 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 n m 2016 c a y ban th ng v Qu c h i quy nh v m c thu, mìn, gi m thu, n p qu n lý và s d ng án phí và l phí Tòa án, ngh H i ng xét x x :

V quan h hôn nhân: Ch ng Th P c ly hôn anh Ph m V n T.

V con chung: Ch ằng Th P và anh Ph m V n T có m t con chung là Ph m Tr n P, sinh ngày 16/11/2013. Giao con Ph m Tr n P cho ch ằng Th P tr c ti p nuôi cho n khi con 18 tu i ho c có s thay i khác theo quy nh c a pháp lu t. Ngh a v c p d ng nuôi con anh ch t th a thu n, không yêu c u Tòa án gi i quy t nên không xem xét, gi i quy t.

V tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương và anh Phạm Văn Tiến không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Vấn phí: Công ty P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vụ quy n kháng cáo: Các ng s c quy n kháng cáo b n án theo quy nh c a pháp lu t.

**NH N NH C A TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng dân sự :

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại số 1/16 ngõ Lê Lai, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về sự vắng mặt của các đương sự :

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn T đã vắng mặt không có mặt tại phiên tòa lần đầu tiên và lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chồng là ông Phạm Văn P và vợ là bà Phạm Văn T được xác lập từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền vào ngày 16/8/2012. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa P và T là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về căn cứ cho ly hôn:

[4] Chồng là ông Phạm Văn P có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Chồng là ông Phạm Văn P xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chồng ly hôn với anh T. Bị đơn anh T không đồng ý ly hôn với chồng P vì anh cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, không xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa P và T phát sinh từ năm 2018 do anh P không hợp tác về tính cách, bất đồng quan điểm sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ cuối năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai, sống và kinh tế riêng biệt. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa đầu tiên về vụ án và lợi ích hợp pháp của mình, thậm chí anh T không mong muốn hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, việc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

c. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp hành yêu cầu xin ly hôn của chồng ông Th P.

+ Về con chung:

[6] Ông Th P và anh Phạm Văn T có một con chung là Phạm Trần P, sinh ngày 16/11/2013. Ông P và anh T yêu cầu các cơ quan chức năng nuôi dưỡng con chung cho đến khi con 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu đó là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với đạo lý và ứng quy định của pháp luật.

[7] Quá trình giám định tài sản, ông P có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh chi tiêu có việc làm, có nhà ở và có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử xem xét và tôn trọng ý kiến của con chung vì việc có nguy cơ xảy ra tranh chấp với anh Phạm Văn T. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh chi tiêu khi nuôi con chung nên chấp thuận yêu cầu giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Vì vậy, cần căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp hành yêu cầu của nguyên đơn: Giao con Phạm Trần P cho ông Th P trực tiếp nuôi cho đến khi con 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật, miễn bảo đảm tốt quy định của con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chấp thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giám định.

[9] Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở; tuy nhiên nếu người không trực tiếp nuôi con làm ảnh hưởng đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về tài sản chung:

[10] Ông Th P và anh Phạm Văn T thống nhất trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giám định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giám định.

- Về án phí:

[11] Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Th P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự thứ nhất.

- Về quy định kháng cáo:

[12] Chồng Th P và anh Ph m V n T c quy n kháng cáo b n án theo quy nh t i i u 271, kho n l i u 273 c a B lu t T t ng dân s .

Vì các l trên,

### **QUY T NH:**

C n c kho n l i u 28, i m a kho n l i u 35; i m a kho n l i u 39; kho n 4 i u 147; i m b kho n 2 i u 227, kho n 3 i u 228; i u 271; kho n l i u 273 c a B lu t T t ng dân s ;

C n c kho n l i u 51, kho n l i u 56, i u 58, i u 81, i u 82, i u 83 c a Lu t Hôn nhân và gia ình;

C n c i m a kho n 5 i u 27 Ngh quy t s 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 n m 2016 c a y ban th ng v Qu c h i quy nh v m c thu, m i n, gi m thu, n p qu n lý và s d ng án phí và l phí Tòa án.

X :

1. V quan h hôn nhân: Chồng Th P c ly hôn anh Ph m V n T.

2. V vi c nuôi con: Chồng Th P và anh Ph m V n T có m t con chung là Ph m Tr n P, sinh ngày 16/11/2013. Giao con Ph m Tr n P cho chồng Th P tr c ti p nuôi cho n khi con 18 tu i ho c có s thay i khác theo quy nh c a pháp lu t. Ngh a v c p d ng nuôi con hai bên t th a thu n, không yêu c u Tòa án xem xét gi i quy t nên H i ng xét x không xem xét, gi i quy t.

Sau khi ly hôn, ng i không tr c ti p nuôi con có quy n, ngh a v th m nom con mà không ai c c n tr .

3. V vi c chia tài s n: Chồng Th P và anh Ph m V n T không có tài s n chung, không yêu c u Toà án gi i quy t nên không xem xét, gi i quy t.

4. V án phí: Chồng Th P ph i ch u 300.000 (ba tr m nghìn) ng án phí dân s s th m, nh ng c tr vào s ti n t m ng án phí dân s s th m ã n p là 300.000 (ba tr m nghìn) ng theo biên lai thu t m ng án phí, l phí Tòa án s 0006965 ngày 23 tháng 4 n m 2021 c a Chi c c Thi hành án dân s qu n Ngô Quy n, thành ph H i Phòng. Chồng Th P ã n p án phí dân s s th m.

5. V quy n kháng cáo b n án:

Nguyên n chồng Th P c quy n kháng cáo b n án trong h n 15 ngày k t ngày tuyên án s th m.

B n anh Ph m V n T c quy n kháng cáo b n án trong th i h n 15 ngày k t ngày nh n b n án ho c ngày b n án c niêm y t theo quy nh c a pháp lu t.

6. Trường hợp bản án của thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án cũng được tính theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**N i nh n:**

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ( KKH ngày 16/8/2012);
- ... ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI NG XÉT X S TH M  
TH M PHÁN - CH T A PHIÊN TÒA**

**Ph m Trung D ng**

